

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 50/2026/DS-ST
Ngày: 05/05/2026
V/v: Tranh chấp thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Lập

Ông Nguyễn Văn Cơ Ba.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4- Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Lệ Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 05 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 -Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2025/TLST- DS ngày 19 tháng 02 năm 2025 về “*Tranh chấp thừa kế*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2025/QĐXX-DS ngày 27 tháng 03 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Huỳnh Thị G, sinh năm 1951 (có đơn xin vắng mặt ngày 11/8/2025).
Địa chỉ: ấp P, xã Q, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bà Huỳnh Thị G là ông Trần Văn A, sinh năm 1961 (văn bản ủy quyền ngày 31/10/2025, có mặt);

Địa chỉ: ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã Q, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bà Huỳnh Thị T là ông Trần Văn A, sinh năm 1961 (văn bản ủy quyền ngày 28/05/2024, có mặt);

Địa chỉ: ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

3. Bà Huỳnh Thị X, sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

4. Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: ấp V, xã Q, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn T1, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã Q, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Huỳnh Minh T2, sinh năm 1992 (có đơn xin vắng mặt ngày 27/3/2026).

2. Chị Huỳnh Thị Mỹ T3, sinh năm 1997 (có đơn xin vắng mặt ngày 27/3/2026).

Cùng địa chỉ: ấp P, xã Q, tỉnh Vĩnh Long.

3. Bà Huỳnh Thị T4, sinh năm 1949 (có đơn xin vắng mặt ngày 27/11/2025 và ngày 27/3/2026).

Địa chỉ: ấp R, xã Q, tỉnh Vĩnh Long.

4. Bà Huỳnh Thị T5, sinh năm 1953 (có đơn xin vắng mặt ngày 26/11/2025 và ngày 27/3/2026).

Địa chỉ: ấp P, xã Q, tỉnh Vĩnh Long.

5. Bà Cam Thị T6, sinh năm 1971 (có đơn xin vắng mặt ngày 27/3/2026).

Địa chỉ: ấp V, xã Q, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/05/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án các nguyên đơn bà Huỳnh Thị X, bà Huỳnh Thị M và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Huỳnh Thị T và bà Huỳnh Thị G trình bày:

Cụ Huỳnh Văn Đ (chết ngày 05/02/2022) và cụ Đặng Thị U (chết ngày 21/11/2012) là vợ chồng, hai cụ có tất cả 07 người con gồm: bà Huỳnh Thị G, bà Huỳnh Thị X, bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị M, bà Huỳnh Thị T4, bà Huỳnh Thị T5 và ông Huỳnh Văn T1.

Khi còn sống cụ Đ và cụ U đã tạo lập được tài sản gồm: Thửa đất số 304, diện tích 4910m² loại đất lúa, nay đã tách thành thửa 39 diện tích 2213,8m² do cụ Huỳnh Văn Đ đứng tên quyền sử dụng đất và thửa 113 diện tích 2495,1m² do Huỳnh Văn T1 và bà Cam Thị T6 đứng tên quyền sử dụng đất; Thửa đất số 351, diện tích 2760m² loại đất lúa, nay đã tách thành thửa đất số 90, diện tích 1000,8m² và thửa đất số 115, diện tích 1616,7m² do cụ Huỳnh Văn Đ đứng tên quyền sử dụng đất. Các thửa đất tọa lạc tại xã Q, tỉnh Vĩnh Long.

Cụ Huỳnh Văn Đ chết để lại di chúc ngày 04/12/2010 có nội dung phân chia đất cho bà Huỳnh Thị G được hưởng 1000m² đất ruộng nằm cặp lộ T, bà Huỳnh Thị X được hưởng 1000m² đất ruộng nằm cặp với đất bà Huỳnh Thị G, bà Huỳnh Thị T được hưởng 1000m² đất ruộng nằm với đất bà Huỳnh Thị X, bà Huỳnh Thị M được hưởng 1000m² đất ruộng nằm với đất bà Huỳnh Thị Thảo. Ông Huỳnh Văn T1

được hưởng 2000m² đất ruộng nằm cặp với đất bà Huỳnh Thị M. Bà Huỳnh Thị T4 và bà Huỳnh Thị T5 đã chia phần trước nên không phân chia trong di chúc này. Đối với cháu nội Huỳnh Minh T2 và Huỳnh Thị Mỹ T3 (con ông T1) được hưởng 1000m² đất còn lại.

Di chúc được lập tại nhà của cụ Đ có mặt bà Huỳnh Thị G, bà Huỳnh Thị X, bà Huỳnh Thị T và bà Huỳnh Thị M, di chúc có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Q ngày 04/12/2010. Cụ Đ giữ tờ di chúc đến khi cụ Đ chết thì bà Huỳnh Thị T giữ tờ di chúc.

Ông Huỳnh Văn T1 đã quản lý sử dụng thửa đất số 113 (tách thửa củ 304) diện tích 2495,1m², các nguyên đơn bà G, bà X, bà T và bà M giao cho bà T5 canh tác dùm các thửa đất số 39 diện tích 2213,8m², thửa đất số 90, diện tích 1000,8m² và thửa đất số 115, diện tích 1616,7m², các nguyên đơn bà G, bà X, bà T và bà M đã đăng ký kê khai các thửa đất 39, 90 và 115 nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay các nguyên đơn bà Huỳnh Thị G, bà Huỳnh Thị X, bà Huỳnh Thị T và bà Huỳnh Thị M yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc ngày 04/12/2010 như sau: Chia cho bà Huỳnh Thị T và bà Huỳnh Thị X được hưởng chung diện tích 1616,7m² thuộc thửa đất số 115 (thửa đất củ 351). Chia cho Huỳnh Thị M được hưởng diện tích 1000,8m² thuộc thửa đất số 90 (thửa củ 351). Chia cho bà Huỳnh Thị G được hưởng diện tích 1000m² thuộc tách thửa 39 (thửa củ 304). Các nguyên đơn đồng ý chia cho anh Huỳnh Minh T2 và chị Huỳnh Thị Mỹ T3 được hưởng phần đất diện tích 1213,8m² thuộc tách thửa 39 (thửa củ 304).

Tại bảng khai ý kiến ngày 28/03/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Huỳnh Văn T1 trình bày: Cụ Huỳnh Văn Đ (chết ngày 05/02/2022) và cụ Đặng Thị U' (chết ngày 21/11/2012) là vợ chồng có tất cả 07 người con như lời trình bày của các nguyên đơn. Cụ Đ chết có để lại các thửa đất là: Thửa 39 diện tích 2213,8m² đất lúa; thửa đất số 90 diện tích 1000,8m² đất lúa và thửa đất số 115 diện tích 1616,7m² đất lúa do cụ Huỳnh Văn Đ đứng tên quyền sử dụng đất. Đối với thửa 113 diện tích 2495,1m² đất lúa thì cụ Đ đã cho ông T1 nên ông T1 và vợ là bà Cam Thị T6 đã kê khai đăng ký và đứng tên quyền sử dụng đất; các thửa đất này tọa lạc tại xã Q, tỉnh Vĩnh Long. Ông T1 không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà X, bà G, bà M và bà T. Trước đây cụ Đ đã cho đất các nguyên đơn nên nay không đồng ý chia đất, khi nào các nguyên đơn cất nhà mồ cho cha mẹ thì ông T1 mới đồng ý chia đất. Tờ di chúc ngày 04/12/2010 là không hợp pháp nhưng ông T1 đồng ý cho anh Huỳnh Minh T2 và chị Huỳnh Thị Mỹ T3 được hưởng phần đất diện tích 1213,8m² thuộc tách thửa 39 (thửa củ 304) theo nội dung tờ di chúc ngày 04/12/2010.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 12/01/2026 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Minh T2 và chị Huỳnh Thị Mỹ T3, bảng khai ý kiến bổ sung

ngày 26/01/2026 của anh Huỳnh Minh T2, đơn đề nghị vắng mặt ngày 27/03/2026 của chị Huỳnh Thị Mỹ T3 trình bày: Cụ Huỳnh Văn Đ (chết ngày 05/02/2022) là ông nội của anh Huỳnh Minh T2 và chị Huỳnh Thị Mỹ T3. Sau khi qua đời ông nội để lại di chúc ngày 04/12/2010 cho anh Huỳnh Minh T2 và chị Huỳnh Thị Mỹ T3 được hưởng phần đất diện tích 1213,8m² thuộc tách thửa 39 (thửa củ 304), đất lúa, tại xã Q, tỉnh Vĩnh Long. Anh Huỳnh Minh T2 và chị Huỳnh Thị Mỹ T3 yêu cầu được hưởng phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 1213,8m² thuộc tách thửa 39 (thửa củ 304). Anh T3 tự nguyện tặng cho chị Mỹ T3 được hưởng phần thừa kế của anh Huỳnh Minh T2 theo nội dung tờ di chúc ngày 04/12/2010. Chị Mỹ T3 đồng ý nhận phần thừa kế mà anh T3 được hưởng, nên chị Huỳnh Thị Mỹ T3 yêu cầu được hưởng phần đất có diện tích 1213,8m² thuộc tách thửa 39 (thửa củ 304).

Tại bảng khai ý kiến ngày 28/03/2025 và đơn đề nghị vắng mặt ngày 27/03/2026 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị T4 trình bày: Bà T4 là con của cụ Huỳnh Văn Đ (chết ngày 05/02/2022) và cụ Đặng Thị U' (chết ngày 21/11/2012). Cụ Đ chết có để lại di chúc chia đất cho các con thì bà T4 đồng ý. Đối với yêu cầu khởi kiện bà T và bà X được hưởng diện tích 1616,7m² thuộc thửa đất số 115; bà M được hưởng diện tích 1000,8m² thuộc thửa đất số 90; bà G được hưởng phần diện tích 1000m² thuộc tách thửa đất 39; anh Huỳnh Minh T2 và chị Huỳnh Thị Mỹ T3 được hưởng diện tích 1213,8m² thuộc tách thửa đất 39 thì bà T4 không có ý kiến và yêu cầu gì trong vụ án này. Nếu trường hợp di sản thừa kế của cha mẹ chia theo pháp luật thì kỷ phần thừa kế của bà T4 sẽ cho chung các anh chị em.

Tại bảng khai ý kiến ngày 26/11/2025 và đơn đề nghị vắng mặt ngày 27/03/2026 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị T5 trình bày:

Bà T5 là con của cụ Huỳnh Văn Đ (chết ngày 05/02/2022) và cụ Đặng Thị U' (chết ngày 21/11/2012). Cụ Đ chết có để lại di chúc chia đất cho các con thì bà T đồng ý. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T và bà X được hưởng diện tích 1616,7m² thuộc thửa đất số 115; bà M được hưởng diện tích 1000,8m² thuộc thửa đất số 90; bà G được hưởng diện tích 1000m² thuộc tách thửa đất 39; anh Huỳnh Minh T2 và chị Huỳnh Thị Mỹ T3 được hưởng phần đất diện tích 1213,8m² thuộc tách thửa đất 39 thì bà T5 không có ý kiến và yêu cầu gì trong vụ án này. Nếu trường hợp di sản thừa kế của cha mẹ chia theo pháp luật thì kỷ phần thừa kế của bà T5 sẽ cho chung các anh chị em.

Tại phiên toà sơ thẩm;

Nguyên đơn bà G, bà T do ông Trần Văn Ấ đại diện, bà X, bà M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Đ theo nội dung tờ di chúc ngày 04/12/2010. Thửa đất 113 có vị trí cặp lộ T là vị trí đất bà G được cụ Đ chia theo di chúc nhưng ông T1 đã kê khai đăng ký đứng tên quyền sử dụng đất thì bà G đồng ý, bà G yêu cầu được chia phần đất diện tích 1000m² thuộc tách thửa 39; bà T và bà X yêu cầu được chia chung phần đất diện tích 1616,7m² thuộc thửa đất số 115; bà M

yêu cầu được chia phần đất diện tích 1000,8m² thuộc thửa đất số 90, các nguyên đơn đồng ý chia cho chị Mỹ T3 được hưởng phần đất diện tích 1213,8m² thuộc tách thửa 39.

Ông Huỳnh Văn T1 đồng ý chia cho bà T và bà X được hưởng chung phần đất diện tích 1616,7m² thuộc thửa đất số 115; chia cho bà M được hưởng phần đất diện tích 1000,8m² thuộc thửa đất số 90; chia cho bà G được hưởng phần đất diện tích 1000m² thuộc tách thửa 39 với điều kiện các nguyên đơn bà G, bà X, bà T và bà M phải xây dựng nhà mồ cho cụ Huỳnh Văn Đ và cụ Đặng Thị U ngay vị trí đất có ngôi mộ của hai cụ; ông T1 đồng ý chia cho chị Mỹ T3 được hưởng phần đất diện tích 1213,8m² thuộc tách thửa 39.

Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 9 Điều 26; Điều 35; 39; 147; 157; 165; 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 609, 612, 613, 624, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm k khoản 1 Điều 133, khoản 6 Điều 137 Luật đất đai năm 2024; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị X, bà Huỳnh Thị G, bà Huỳnh Thị M và anh Huỳnh Minh T2, chị Huỳnh Thị Mỹ T3.

Buộc ông Huỳnh Văn T1 có nghĩa vụ giao cho bà Huỳnh Thị T và bà Huỳnh Thị X được quyền sử dụng hợp pháp phần đất thuộc thửa đất số 115 (thửa củ 351) có diện tích 1616,7m², tờ bản đồ số 61 (theo GCN là tờ số 1), loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp T, xã Q, tỉnh Vĩnh Long.

Buộc ông Huỳnh Văn T1 có nghĩa vụ giao cho bà Huỳnh Thị M được quyền sử dụng hợp pháp phần đất thuộc thửa đất số 90 (thửa củ 351) có diện tích 1000,8m², tờ bản đồ số 61 (theo GCN là tờ số 1), loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp T, xã Q, tỉnh Vĩnh Long.

Buộc ông Huỳnh Văn T1 có nghĩa vụ giao cho bà Huỳnh Thị G được quyền sử dụng hợp pháp phần đất thuộc tách thửa đất số 39 (thửa củ 304) có diện tích 1000 m², tờ bản đồ số 61 (theo GCN là tờ số 1), loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp T, xã Q, tỉnh Vĩnh Long.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Thị G, bà Huỳnh Thị X, bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị M có nghĩa vụ xây dựng nhà mồ cho cụ Huỳnh Văn Đ và cụ Đặng Thị U ngay vị trí đất có ngôi mộ của cụ Huỳnh Văn Đ và cụ Đặng Thị U.

Buộc bà Huỳnh Thị G, bà Huỳnh Thị X, bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị M, bà Huỳnh Thị T4, bà Huỳnh Thị T5 và ông Huỳnh Văn T1 có nghĩa vụ giao cho chị Huỳnh Thị Mỹ T3 được quyền sử dụng hợp pháp phần đất thuộc tách thửa đất số 39 (thửa củ 304) có diện tích 1213,8 m², tờ bản đồ số 61 (theo GCN là tờ số 1), loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp T, xã Q, tỉnh Vĩnh Long.

Về chi phí tố tụng: Bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị X, bà Huỳnh Thị M và bà Huỳnh Thị G mỗi bà phải nộp chi phí tố tụng là 1.287.000đ. Chị Huỳnh Thị Mỹ T3 phải nộp chi phí tố tụng là 3.000.000đ

Về án phí sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị X, bà Huỳnh Thị M, bà Huỳnh Thị G được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. Chị Huỳnh Thị Mỹ T3 phải nộp án phí sơ thẩm là 3.641.400 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng và ý kiến của các đương sự tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về tranh chấp thừa kế thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ngày 18 tháng 03 năm 2025 chị Mỹ T3 ủy quyền cho ông Huỳnh Văn T1. Ngày 27 tháng 3 năm 2026 chị Mỹ T3 có đơn xin vắng mặt đồng thời xin rút lại ủy quyền đối với ông Huỳnh Văn T1.

Ngày 24 tháng 03 năm 2025 anh Huỳnh Minh T2 ủy quyền cho ông Huỳnh Văn T1. Ngày 27 tháng 3 năm 2026 anh Minh T2 có đơn xin vắng mặt đồng thời xin rút lại ủy quyền đối với ông Huỳnh Văn T1.

Ngày 15 tháng 01 năm 2026 anh Huỳnh Minh T2 ủy quyền cho chị Mỹ T3. Tại bản khai ý kiến ngày 26 tháng 01 năm 2026 anh Minh T2 rút lại ủy quyền đối với chị Mỹ T3.

[3] Về nội dung: Cụ Huỳnh Văn Đ (chết ngày 05/02/2022) và cụ Đặng Thị U (chết ngày 21/11/2012) là vợ chồng, hai cụ có tất cả 07 người con gồm: bà Huỳnh Thị G, bà Huỳnh Thị X, bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị M, bà Huỳnh Thị T4, bà Huỳnh Thị T5 và ông Huỳnh Văn T1. Khi còn sống cụ Đ và cụ U đã tạo lập được tài sản gồm: Thửa đất số 304 diện tích 4910m² loại đất lúa và thửa đất số 351 diện tích 2760m² loại đất lúa, tọa lạc tại xã Q, tỉnh Vĩnh Long.

[4]. Tại công văn số 60/CNKV3 ngày 16/01/2026 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 3 có nội dung: Cụ Huỳnh Văn Đ đứng tên giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất thửa số 304 diện tích 4910m² đất lúa và thửa số 351 diện tích 2760m² đất lúa tọa lạc tại ấp T, xã Q, tỉnh Vĩnh Long được Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 06/3/1992.

[5] Ngày 13/11/2023 cụ Huỳnh Văn Đ thực hiện thủ tục tách thửa đất số 304 diện tích 4910m² thành hai thửa: Thửa thứ nhất là thửa 113 diện tích 2495,1m² do ông Huỳnh Văn T1 và bà Cam Thị T6 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 01/09/2015 trên cơ sở hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 31/7/2015. Thửa thứ hai là thửa 39 diện tích 2213,8m² do cụ Huỳnh Văn Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 23/6/2014.

[6] Ngày 22/10/2019 cụ Huỳnh Văn Đ thực hiện thủ tục tách thửa đất số 351 diện tích 2760m² thành hai thửa: Thửa thứ nhất là thửa đất số 90 diện tích 1000,8m² do cụ Huỳnh Văn Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 01/11/2019. Thửa thứ hai là thửa đất số 115 diện tích 1616,7m² do cụ Huỳnh Văn Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 01/11/2019.

[7] Khi cụ Huỳnh Văn Đ chết để lại di chúc ngày 04/12/2010 có nội dung phân chia đất cho các con như sau: Bà G được hưởng 1000m² đất ruộng nằm cặp lộ T; bà X được hưởng 1000m² đất ruộng nằm cặp với đất bà G; bà T được hưởng 1000m² đất ruộng nằm với đất bà X; bà M được hưởng 1000m² đất ruộng nằm với đất bà T, ông T1 được hưởng diện tích 2000m² đất ruộng nằm cặp với đất bà M; anh Minh T2 và chị Mỹ T3 (con ông T1) được hưởng 1000m² diện tích đất còn lại.

[8] Xét Tờ di chúc ngày 04/12/2010 được lập thành văn bản, có chữ ký tên của cụ Đ, có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Q, số chứng thực: 03; quyền số 01 TP/CC-SCT/HĐGD ngày 04/12/2010. Tờ di chúc bao gồm 02 (hai) trang giấy nhưng trang 01 không có chữ ký tên của cụ Đ. Thời điểm lập di chúc cụ Đặng Thị U' còn sống, di sản thừa kế là tài sản chung của vợ chồng nhưng cụ Đ tự ý định đoạt khối tài sản chung là ảnh hưởng đến quyền lợi của cụ U'.

[9] Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T1 đồng ý chia đất theo yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là chia cho bà T và bà X được hưởng phần đất 1616,7m² thuộc thửa đất số 115; chia cho bà M được hưởng phần đất 1000,8m² thuộc thửa đất số 90; bà G được hưởng phần đất 1000m² thuộc thửa 39 với điều kiện bà G, bà X, bà T và bà M phải xây dựng nhà mồ cho cụ Huỳnh Văn Đ và cụ Đặng Thị U' ngay vị trí đất có ngôi mộ của hai cụ, ông T1 đồng ý chia cho chị Mỹ T3 được hưởng phần đất diện tích 1213,8m² thuộc thửa 39. Các nguyên đơn bà G, bà T do ông A đại diện, bà X và bà M đồng ý xây dựng nhà mồ cho cụ Huỳnh Văn Đ và cụ Đặng Thị U' ngay vị trí đất có ngôi mộ của hai cụ, đối với bà T5 và bà T4 có ý kiến không nhận di sản thừa kế, anh Minh T2 có ý kiến tự nguyện tặng cho chị Mỹ T3 được hưởng phần thừa kế được nhận.

[10] Xét sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông T1 và bà G, bà X, bà T, bà M là tự nguyện không trái pháp luật và không ảnh hưởng đến quyền lợi của người thứ ba nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này. Buộc ông T1 có nghĩa vụ chia cho các nguyên đơn bà T và bà X được hưởng phần đất diện tích 1616,7m² thuộc thửa đất số 115; bà M được hưởng phần đất diện tích 1000,8m² thuộc thửa đất số 90; bà G được hưởng phần đất diện tích 1000m² thuộc tách thửa 39; chị Mỹ T3 được hưởng phần đất diện tích 1213,8m² thuộc tách thửa 39. Ghi nhận sự tự nguyện của bà G, bà X, bà T và bà M có nghĩa vụ xây dựng nhà mồ cho cụ Huỳnh Văn Đ và cụ Đặng Thị Ư ngay vị trí đất có ngôi mộ của hai cụ.

[11] Bà G, bà X, bà T và bà M trình bày đã giao cho bà Huỳnh Thị T5 trực tiếp canh tác dùm các phần đất 1616,7m² thuộc thửa 115; 1000,8m² thuộc thửa 90; 1000m² thuộc tách thửa 39 thì bà G, bà X, bà T, bà M và bà T5 tự thỏa thuận, trong trường hợp không thỏa thuận được sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[12] Về chi phí tố tụng: Bà T đã nộp tạm ứng chi phí khảo sát đo đạc và định giá tài sản là 5.148.000đ theo phiếu thu ngày 10/4/2025 là 8.000.000đ và phiếu chi trả tiền tạm ứng ngày 27/3/2026 là 2.852.000đ. Chị Mỹ T3 đã nộp tạm ứng chi phí khảo sát đo đạc và định giá tài sản là 3.000.000đ theo phiếu thu ngày 13/01/2026 là 6.000.000đ và phiếu chi trả tiền tạm ứng ngày 27/3/2026 là 3.000.000đ. Buộc bà T phải nộp chi phí tố tụng là 1.287.000đ được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng; buộc bà G, bà X và bà M mỗi bà phải nộp 1.287.000đ để hoàn trả lại bà T nhận 3.861.000đ đồng, chị Mỹ T3 phải nộp chi phí tố tụng là 3.000.000đ được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng, chị Mỹ T3 đã nộp xong.

[13] Về án phí sơ thẩm: Các nguyên đơn bà Huỳnh Thị G, bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị X, bà Huỳnh Thị M có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi nên miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho các nguyên đơn. Chị Mỹ T3 phải nộp án phí sơ thẩm là $(1213,8\text{m}^2 \times 60.000 \text{ đ}) \times 5 \% = 3.641.400\text{đ}$. Ông T1 phải nộp án phí sơ thẩm không giá ngạch là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; 35; 39; 147; 157; 165; 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 609, 612, 613, 624, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm k khoản 1 Điều 133, khoản 6 Điều 137 Luật đất đai năm 2024; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị X, bà Huỳnh Thị G và bà Huỳnh Thị M.

1.1. Buộc ông Huỳnh Văn T1 có nghĩa vụ giao cho bà Huỳnh Thị T và bà Huỳnh Thị X được quyền sử dụng hợp pháp chung phần đất thuộc thửa đất số 115 (thửa củ 351) có diện tích 1616,7m², tờ bản đồ số 61 (theo GCN là tờ số 1), loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp T, xã Q, tỉnh Vĩnh Long.

Phần đất diện tích 1616,7m² có vị trí theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 12/8/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V (kèm theo bản án).

1.2. Buộc ông Huỳnh Văn T1 có nghĩa vụ giao cho bà Huỳnh Thị M được quyền sử dụng hợp pháp phần đất thuộc thửa đất số 90 (thửa củ 351) có diện tích 1000,8m², tờ bản đồ số 61 (theo GCN là tờ số 1), loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp T, xã Q, tỉnh Vĩnh Long.

Phần đất diện tích 1000m² có vị trí theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 12/8/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V (kèm theo bản án).

1.3. Buộc ông Huỳnh Văn T1 có nghĩa vụ giao cho bà Huỳnh Thị G được quyền sử dụng hợp pháp phần đất thuộc tách thửa đất số 39 (tách thửa củ 304) có diện tích 1000 m², tờ bản đồ số 61 (theo GCN là tờ số 1), loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp T, xã Q, tỉnh Vĩnh Long.

Phần đất diện tích 1000m² có vị trí theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 19/01/2026 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V (kèm theo bản án).

1.4. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Thị G, bà Huỳnh Thị X, bà Huỳnh Thị T và bà Huỳnh Thị M có nghĩa vụ xây dựng nhà mồ cho cụ Huỳnh Văn Đ và cụ Đặng Thị U ngay vị trí đất có ngôi mộ của cụ Huỳnh Văn Đ và cụ Đặng Thị U.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Huỳnh Minh T2 và chị Huỳnh Thị Mỹ T3.

Buộc bà Huỳnh Thị G, bà Huỳnh Thị X, bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị M, bà Huỳnh Thị T4, bà Huỳnh Thị T5 và ông Huỳnh Văn T1 có nghĩa vụ giao cho chị Huỳnh Thị Mỹ T3 được quyền sử dụng hợp pháp phần đất thuộc tách thửa đất số 39 (tách thửa củ 304) có diện tích 1213,8 m², tờ bản đồ số 61 (theo GCN là tờ số 1), loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp T, xã Q, tỉnh Vĩnh Long.

Phần đất diện tích 1213,8 m² có vị trí theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 05/02/2026 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V (kèm theo bản án).

Bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị X, bà Huỳnh Thị M, bà Huỳnh Thị G và chị Huỳnh Thị Mỹ T3 có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Về chi phí tố tụng:

- Bà Huỳnh Thị T phải nộp chi phí tố tụng là 1.287.000đ (một triệu hai trăm tám mươi bảy ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền bà T nộp tạm ứng là 5.148.000đ (năm triệu một trăm bốn mươi tám ngàn đồng). Bà Huỳnh Thị T được nhận lại số

tiền trên chênh lệch là 3.861.000đ (ba triệu tám trăm sáu mươi một ngàn đồng) trong đó bà Huỳnh Thị X hoàn trả 1.287.000đ (một triệu hai trăm tám mươi bảy ngàn đồng), bà Huỳnh Thị M hoàn trả 1.287.000đ (một triệu hai trăm tám mươi bảy ngàn đồng), bà Huỳnh Thị G hoàn trả 1.287.000đ (một triệu hai trăm tám mươi bảy ngàn đồng).

- Bà Huỳnh Thị X phải nộp chi phí tố tụng là 1.287.000đ (một triệu hai trăm tám mươi bảy ngàn đồng) để hoàn trả lại bà Huỳnh Thị T nhận.

- Bà Huỳnh Thị M phải nộp chi phí tố tụng là 1.287.000đ (một triệu hai trăm tám mươi bảy ngàn đồng) để hoàn trả lại bà Huỳnh Thị T nhận.

- Bà Huỳnh Thị G phải nộp chi phí tố tụng là 1.287.000đ (một triệu hai trăm tám mươi bảy ngàn đồng) để hoàn trả lại bà Huỳnh Thị T nhận.

- Chị Huỳnh Thị Mỹ T3 phải nộp chi phí tố tụng là 3.000.000đ (ba triệu đồng) được khấu trừ vào số tiền chị Mỹ T3 nộp tạm ứng 3.000.000đ (ba triệu đồng). Chị Huỳnh Thị Mỹ T3 đã nộp xong.

4. Về án phí sơ thẩm:

4.1. Bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị X, bà Huỳnh Thị G và bà Huỳnh Thị M được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Huỳnh Thị M số tiền nộp tạm ứng án phí sơ thẩm là 1.752.000đ (một triệu bảy trăm năm mươi hai ngàn đồng) theo biên lai thu số 0009850 ngày 19/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Vĩnh Long.

4.2. Chị Huỳnh Thị Mỹ T3 phải nộp án phí sơ thẩm là 3.641.400đ (ba triệu sáu trăm bốn mươi một ngàn, bốn trăm đồng).

Hoàn trả chị Huỳnh Thị Mỹ T3 và anh Huỳnh Minh T2 số tiền nộp tạm ứng án phí sơ thẩm là 1.752.000đ (một triệu bảy trăm năm mươi hai ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000886 ngày 13/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;

4.3. Ông Huỳnh Văn T1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

5. Án xử công khai sơ thẩm, đối với các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long.
- VKSND khu vực 4 – Vĩnh Long
- THADS tỉnh Vĩnh Long
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trần Thị Ngọc Dung